

Bản án số: 310/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh.
2. Bà Trần Thị Kim Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án Nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Chương T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 06, ấp BT, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T do mai mối của hai bên gia đình nên anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT vào ngày 26/4/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc chỉ được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn liên lạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Chương T vắng mặt suốt trong thời gian chuẩn bị xét xử và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vắng mặt trong phiên họp và phiên tòa là không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Chị V yêu cầu ly hôn, anh T không thể hiện ý kiến phản đối và vắng mặt trong quá trình tố tụng. Trong thời chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và đã sống ly thân nhiều năm nay không còn liên lạc với nhau, về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, việc chị V tranh chấp ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội Đồng Xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Chương T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Bùi Chương T vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt, không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Chương T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V, anh T do sự mai mối của gia đình hai bên nên tiến đến hôn nhân năm 2014, hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình, anh chị có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Chị V cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình và đã sống ly thân nhiều năm nay không còn liên lạc. Hơn nữa từ khi chị V nộp đơn khởi kiện đến khi vụ án được đưa ra xét xử thì anh T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Ngoài ra, trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án thì Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị trưởng ban ấp BT, xã BT, huyện Châu Phú cung cấp thông tin: Chị V và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, còn mâu thuẫn giữa anh chị thì địa phương không rõ. Điều này thể hiện, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T nhiều năm nay không tồn tại, vợ chồng không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ với nhau, từ khi sống ly thân đến nay anh chị không có thiện chí hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị V xin ly hôn với anh T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm theo qui định pháp luật, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú theo biên lai thu số 0002506 ngày 07/3/2018.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 235; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị V.

Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Bùi Chương T.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú theo biên lai thu số 0002506 ngày 07/3/2018 như vậy chị V đã nộp đủ.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn anh Bùi Chương T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- CCTHADS H.Châu Phú;
- VKSND H.Châu Phú
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã BT;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Phước Hậu